

Riaz Ullah,¹ Zain Ullah,² Salem S. Al-Deyab,³ Muhammad Adnan,⁴ and Akash Tariq⁴ (2014).

Nutritional Assessment and Antioxidant Activities of Different Varieties of *Vigna radiata*. *Scientific World Journal* Volume 2014, Article ID 871753, 5 pages.

Samanta, S.C., Faruk-E-Azam, A.K.M. and Rashid, M.H., 1999. Effects of sowing dates on grain yield,

protein and mineral contents of five mungbean cultivars. *Thai. J. Agric. Sci.*, 32 (2): 171-177.

Shahsavari, M.R., 1989. *Evaluating the contribution of genotype and phenotype growth parameters in the formatio of grain yield and determining the characteristics of ideal type of common bean*. MS thesis in plant breeding, Faculty of Agriculture, Isfahan University of Technology.

Evaluation of growth and yield of potential mungbean varieties in winter crop in Thanh Tri district, Hanoi province

Do Thi Hai Van, Nguyen Ngoc Quat, Tran Tuan Anh, Vu Ngoc Thang, Nguyen Thi Thuy

Abstract

Agrobiological characteristics of 8 promising mungbean varieties (DXHL10, DX11, DX14, DX16, DX17, NTB02, DXVN5, DXVN7) were evaluated in winter crop in Thanh Tri district, Hanoi province. The results showed that 8 mungbean varieties had good growth and the growth duration ranged from 68 - 75 days. The results also showed that 8 mungbean varieties resisted well to lodging, *Cercospora* leaf spot and powdery mildew diseases and had the pod-numbers per plant at 15.0 - 19.67 (higher than the control variety DXVN6 at 3 - 4 pods/plant). The promising mungbean varieties had the higher grain yield than the control variety DXVN6. Among them, varieties DX14 and DX11 had the higher potential yield (over var. DXVN6 by 0.54 - 0.59 tons/ha), which should be cultivated in winter crop in Northern Vietnam with similar ecological conditions.

Keywords: Mungbean, winter crop, characteristics, yield

Ngày nhận bài: 24/7/2019

Ngày phản biện: 4/8/2019

Người phản biện: TS. Nguyễn Thanh Tuấn

Ngày duyệt đăng: 12/9/2019

NGHIÊN CỨU HIỆN TRẠNG SẢN XUẤT VÀ THỊ TRƯỜNG TIÊU THỤ LÚA NẾP KHẨU HỐC CỦA NGƯỜI H'MÔNG TẠI HUYỆN TÂN UYÊN, TỈNH LAI CHÂU

Nguyễn Văn Bằng¹, Nguyễn Xuân Dũng¹, Nguyễn Doãn Hùng¹, Nguyễn Văn Trung¹, Trần Hậu Hùng¹

TÓM TẮT

Nghiên cứu hiện trạng sản xuất và thị trường sản phẩm nếp Khẩu Hốc thực hiện trên địa bàn huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu cho thấy: Khẩu Hốc là giống lúa nếp đặc sản bản địa của dân tộc H'Mông, được gieo trồng từ rất lâu đời trên nương rẫy - nơi có độ cao trên 1.000 m tại xã Nậm Sỏ. Giống lúa Khẩu Hốc được canh tác nhờ nước trời, có nhiều đặc điểm quý cần được bảo tồn (Hạt gạo to dài, trắng bóng không bạc bụng, xôi rất dẻo, đậm). Đây là giống lúa chất lượng cao, rất được ưa chuộng và có giá trị trên thị trường (35 - 40 nghìn đồng/kg gạo). Về đặc điểm hình thái, có dạng hình cây cao, bản lá to, cứng, chống chịu sâu bệnh và điều kiện thời tiết bất thuận ở địa phương. Tuy nhiên, tập tục canh tác còn rất lạc hậu, phương thức quảng canh, chất lượng giống và diện tích ngày một giảm, khả năng thương mại hóa hạn chế, chủ yếu vẫn là tự sử dụng trong gia đình (60%), chỉ 40% được bán ra thị trường.

Từ khóa: Nếp Khẩu Hốc, Nậm Sỏ, Tân Uyên, dân tộc H'Mông

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Lúa Khẩu Hốc là giống lúa nếp nương bản địa đặc sản cổ truyền, canh tác nhờ nước trời của xã Nậm Sỏ huyện Tân Uyên được gieo trồng từ rất lâu đời do

đồng bào dân tộc H'Mông canh tác trên nương rẫy ở độ cao trên 1.000 m. Gạo Khẩu Hốc, là gạo đặc sản, có nhiều đặc điểm quý đang được thị trường

¹ Trung tâm Chuyển giao công nghệ và Khuyến nông

trong và ngoài tỉnh ưa chuộng với giá bán hiện nay từ 35.000 - 40.000 đồng/kg gạo. Tuy nhiên, khu vực canh tác bị bó hẹp, chất lượng và đặc tính nguyên bản của giống có xu hướng giảm và không đồng đều giữa các khu vực, nguyên nhân chính do quá trình canh tác lâu đời, người dân tự để giống, thiếu các phương pháp duy trì và bảo tồn giống nên nguồn giống bị thoái hóa (Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Tân Uyên, 2017).

Bên cạnh đó, việc khai thác phát triển du lịch sinh thái là mục tiêu chiến lược của huyện Tân Uyên và tỉnh Lai Châu cần phát triển trong thời gian tới (Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu, 2016). Do vậy, việc phát triển các sản phẩm truyền thống, đặc trưng của vùng làm sản phẩm phục vụ du lịch, thương mại là nhu cầu tất yếu, trong đó có giống lúa nếp Khẩu Hốc.

Nhằm phát triển bền vững, mang lại hiệu quả kinh tế cho người dân vùng thiếu số và bảo tồn được nguồn tài nguyên đặc sản, quý hiếm này, việc nghiên cứu hiện trạng sản xuất và thị trường tiêu thụ sản phẩm là rất cần thiết.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

- Các hộ nông dân có nhiều kinh nghiệm về sản xuất lúa Khẩu Hốc.
- Các chuyên gia có kinh nghiệm đối với các giống lúa bản địa.
- Các tác nhân thương mại đối với gạo nếp nương Khẩu Hốc.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp điều tra khảo sát thực địa

Khảo sát thực địa về: Đặc điểm nhận dạng các tính trạng cơ bản của giống lúa nếp Khẩu hốc; điều kiện tự nhiên, đất đai, hệ thống tưới tiêu, mô hình sản xuất.

2.2.2. Phương pháp đánh giá nông thôn có sự tham gia của người dân (PRA)

- Điều tra có sự tham gia (PRA) cùng với người

bản địa xác định: Đặc điểm nhận dạng các tính trạng cơ bản của giống lúa nếp Khẩu Hốc; thực trạng sản xuất, tiêu thụ; khó khăn trong sản xuất, tiêu thụ.

- Phương pháp chọn mẫu điều tra: Lựa chọn 90 hộ sản xuất trong đó 30 hộ có trình độ sản xuất tốt; 30 hộ sản xuất trung bình và 30 hộ có trình độ sản xuất kém.

- Tổng hợp, phân tích các số liệu thu thập được bằng phần mềm Excel và phân tích SWOT.

2.3. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 5 đến tháng 10 năm 2018 tại xã Nậm Sò, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu.

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đặc điểm giống lúa nếp Khẩu Hốc và hiện trạng sản xuất

- Giống lúa Khẩu Hốc: Là giống lúa nếp bản địa của dân tộc H'Mông, được gieo trồng trên nương rẫy, canh tác nhờ nước trời, thuộc nhóm giống dài ngày, cao cây, bản lá to, cứng, chống chịu tốt với sâu bệnh, chỉ trồng một vụ/năm, bắt đầu từ 10 - 20/5, cuối tháng 9, đầu tháng 10 lúa trổ, cuối tháng 10, đầu tháng 11 thu hoạch và phản ứng với ánh sáng. Theo lịch sử phát triển của giống lúa nếp Khẩu Hốc thì bản Ngam Ca xã Nậm Sò được coi là nơi xuất xứ của giống. Theo kinh nghiệm của người dân địa phương, Khẩu Hốc chỉ thích hợp gieo trồng trên đất bỏ hóa nhiều năm (từ 3 - 5 năm) mới cho năng suất và có hương vị đậm đà, đặc trưng riêng của giống như: Hạt gạo to, dài, không bạc bụng, xôi dẻo đậm và có mùi thơm đặc trưng. Trước đây, giống lúa nếp này được mang đi trồng thử ở một số địa phương khác, nhưng năng suất thấp, chất lượng giảm, do đó diện tích gieo trồng lúa nếp Khẩu Hốc không được mở rộng phát triển.

- Chất lượng gạo nếp Khẩu Hốc thu thập được trình bày ở bảng 1.

Bảng 1. Kết quả phân tích chất lượng gạo nếp Khẩu Hốc thu thập

TT	Độ ẩm hạt (%)	Tỉ lệ gạo lật (%)	Tỉ lệ gạo xát (%)	Kích thước hạt (D/R)	Độ phá hủy kiểm	Hàm lượng amylose (%)	Hàm lượng amylopectin (%)	Hàm lượng Vitamin B1 (mg/100 g)	Hàm lượng Protein (%)	Hàm lượng Lipit (%)	Nhiệt độ hóa hồ	
											Cấp	Nhiệt độ hóa hồ (°C)
TB	13,65	82,00	72,00	0,9/0,4	6,00	3,77	96,24	0,20	7,18	0,19	Thấp	60

Tiến hành gửi 20 mẫu thu thập được đến Phòng phân tích Chất lượng sản phẩm, Viện KHKT Nông Lâm nghiệp miền núi phía Bắc để phân tích một số chỉ tiêu quan trọng của giống trước khi tiến hành công việc phục tráng, kết quả thu được: Độ ẩm hạt 13,65%; độ hồ hóa thấp (60°C); tỷ lệ gạo lứt 82%; độ phá hủy kiềm 6,00; tỷ lệ gạo xát 72%; hàm lượng vitamin B1 0,2 mg/100 g; hàm lượng amylopectin 96,24%; hàm lượng protein 7,18%; hàm lượng amylose 3,77%; hàm lượng lipit 0,19%. Đây là kết quả quan trọng về các chỉ tiêu sinh lý, sinh hóa lúa nếp Khẩu Hốc, phục vụ cho công tác phục tráng và nghiên cứu về sau.

- Phát triển giống lúa nếp Khẩu Hốc tại xã Nậm Sỏ:

Giai đoạn trước năm 2015, lúa nếp Khẩu Hốc được gieo trồng ở nhiều bản thuộc xã Nậm Sỏ, tuy nhiên diện tích gieo trồng mỗi bản rất thấp, dao động từ 1,4 - 5,7 ha/bản. Tổng diện tích cả huyện (toàn bộ diện tích gieo trồng của huyện Tân Uyên đều thuộc xã Nậm Sỏ) dao động từ 70,8 - 72,0 ha và nằm rải rác tại tất cả các bản của xã Nậm Sỏ năng suất thu được tại các hộ trung bình đạt từ 1,0 - 1,1 tấn/ha, chủ yếu cung cấp cho gia đình và trao đổi giống giữa

các hộ. Đây là thời điểm mà thị trường tiêu thụ lúa, gạo nếp Khẩu Hốc chưa được hình thành. Một đặc điểm rất đặc trưng của giống lúa này là được canh tác trên nương đồi - hình thức canh tác quảng canh (canh tác 1 năm sau đó bỏ hóa 3 - 5 năm rồi mới gieo trồng lại) nên diện tích canh tác lúa nếp Khẩu Hốc thay đổi theo từng năm.

Đến giai đoạn 2015 - 2017, có sự biến động giảm diện tích gieo trồng. Điều này là do chính sách của huyện Tân Uyên và xã Nậm Sỏ trong 3 năm trở lại đây đã chuyển đổi một phần diện tích canh tác lúa nương sang canh tác cây lâu năm như Quế, Sơn Tra, Mắcca. Hơn nữa, tác động của biến đổi khí hậu dẫn đến nhiều hiện tượng thời tiết cực đoan, sâu bệnh hại diễn biến phức tạp, năng suất sụt giảm, người dân canh tác lúa nếp Khẩu Hốc dần chuyển đổi mục đích sử dụng hoặc bỏ hóa không canh tác. Tính đến năm 2017, chỉ còn một số bản duy trì canh tác như Ngam Ca, Nà Ui, Ui Thái, Ui Đạo, Khăn Nội, Khau Hỏm, Hua Cả, Hua Sỏ, trong đó nhiều nhất là các bản Ngam Ca, Ui Thái, Nà Ui từ 3 - 10 ha, trong đó diện tích lớn nhất vẫn là bản Ngam Ca (10 ha). Tổng diện tích cả xã năm 2017 khoảng 45,0 ha (Bảng 2).

Bảng 2. Diễn biến về diện tích gieo trồng giống lúa Khẩu Hốc giai đoạn 2007 - 2017

TT	Địa điểm	Diện tích thống kê theo năm (ha)							Biến động
		2007	2008	2009	2010	2015	2016	2017	
1	Xã Nậm Sỏ	72,0	70,5	71,0	70,8	60,7	52,5	45,0	Giảm
2	Xã Thân Thuộc	0	0	0	0	0	0	0	
3	Xã Trung Đồng	0	0	0	0	0	0	0	

Nguồn: Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội xã Nậm Sỏ (2015, 2016, 2017).

Với tính chất và đặc thù nền giống lúa nếp Khẩu Hốc chiếm tỷ lệ rất thấp trong cơ cấu giống lúa của địa phương (chiếm 2,5 - 3,2% diện tích trồng lúa của xã Nậm Sỏ, và dưới 0,05% so với diện tích trồng lúa cả huyện) nhưng lại giữ vai trò quan trọng đối với kinh tế - văn hóa của địa phương. Lúa nếp Khẩu Hốc ngoài mang bán thu lại kinh tế cao còn được sử dụng để làm quà biếu như một nét văn hóa rất đặc sắc của người dân vùng cao nơi đây.

- Kỹ thuật chăm sóc lúa nếp Khẩu Hốc của người dân địa phương:

+ Chọn giống: Chọn cây tốt ở giai đoạn lúa chín, cắt bông, buộc thành từng bó, sau đó phơi khô, treo lên gác bếp đến tháng 4 - 5 sang năm tuốt hạt ra và đem gieo trồng.

+ Lượng giống sử dụng cho 1 ha: 90 - 100 kg.

+ Làm đất: Sau khi phát cây làm cỏ, đốt (tháng 2 - 3) tiến hành cày lật ải, phơi 7 - 10 ngày.

+ Kỹ thuật gieo: Đất sau khi được bừa nhỏ, nhặt cỏ thì bắt đầu tiến hành gieo vãi, lượng gieo trung bình khoảng 10 kg/1000 m². Sau khi gieo đều hạt trên mặt thì dùng cuốc lấp đất kín hạt.

+ Chăm sóc: Sau khi cây mọc 20 - 25 ngày, làm cỏ bằng tay hoặc phun thuốc trừ cỏ rồi để cây lúa sinh trưởng phát triển tự nhiên trên nương. Khi xuất hiện nhiều cỏ lại tiếp tục làm cỏ bằng tay đến khi cây lúa chuẩn bị làm đồng thì dừng lại.

+ Bón phân: Theo số liệu điều tra thì tập quán canh tác của người dân là không bón phân hoặc bón với lượng rất thấp, thời gian bón phân không cố định, chủ yếu phụ thuộc vào thời tiết, thường là bón sau khi trời mưa.

+ Thu hoạch: Thời điểm lúa chín vàng đều, tiến hành thu hoạch: cắt lúa đầu bông, bó thành từng bó, vận chuyển về nhà sau đó tuốt dần bằng tay.

+ Bảo quản sau khi thu hoạch: Sau khi thu hoạch, phơi khô, hạt lúa được cất giữ trong những bao tải hoặc để nguyên bông treo trên gác bếp. Một số hộ để dưới nền nhà ảnh hưởng rất lớn đến độ ẩm và chất lượng lúa sau khi thu hoạch.

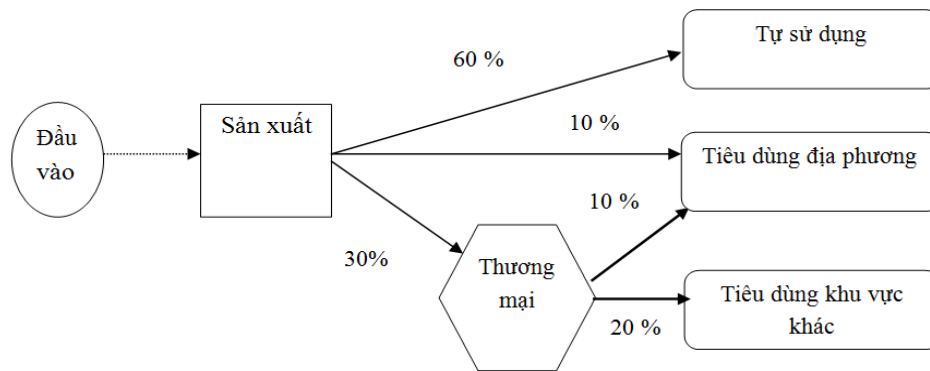
Nhận xét: Khẩu Hốc là giống lúa nếp đặc sản của địa phương, được người dân và người tiêu dùng ưa chuộng nhưng trong quá trình sản xuất còn có rất nhiều hạn chế: tập tục canh tác lạc hậu, canh tác theo phương thức quảng canh, hầu như không sử dụng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật, hoặc nếu bón thì sử dụng với lượng rất thấp và chỉ sử dụng phân bón tổng hợp N - P - K (5 - 10 - 13) gây ra thiếu và lãng phí lân. Việc hầu như không sử dụng phân chuồng

làm ảnh hưởng đến tỉ lệ mùn trong đất và chất lượng hạt lúa nếp Khẩu Hốc.

3.2. Tình hình tiêu thụ sản phẩm lúa nếp Khẩu Hốc

3.2.1. Tình hình tiêu thụ lúa, gạo nếp Khẩu Hốc tại xã Nậm Sỏ

Tổng diện tích gieo trồng trung bình hàng năm (từ năm 2010 - 2017) giảm dần qua các năm, tập trung chủ yếu tại 3 bản Ngam Ca, Ui Thái và Nà Ui. Năng suất trung bình đạt 1,0 - 1,1 tấn/ha, sản lượng năm 2017 vào khoảng 45 - 50 tấn thóc. Trong đó, gần 60% được sử dụng cho nhu cầu tiêu dùng tại nông hộ (cho các hoạt động ăn uống và tiêu thụ hàng ngày của nông hộ) và khoảng 40% sản lượng được bán ra thị trường. Việc tiêu thụ sản phẩm được thể hiện qua hình 1.



Hình 1. Các kênh tiêu thụ sản phẩm thóc, gạo nếp Khẩu Hốc

3.2.2. Tác nhân chính sản xuất và thu mua lúa, gạo nếp Khẩu Hốc

- Tác nhân sản xuất: Là những hộ dân trực tiếp sản xuất ra hạt thóc nếp Khẩu Hốc, trung bình hàng năm có 60 - 80 hộ canh tác giống lúa này, diện tích canh tác mỗi hộ dao động 2.000 - 8.000 m². Diện tích gieo trồng này không được duy trì ổn định hàng năm. Với năng suất trung bình của giống là 1,1 tấn/ha, giá bán 18 - 20 triệu đồng/tấn thóc thì thu nhập bình quân sau khi đã trừ các chi phí đầu tư ban đầu là trên 20 triệu đồng/ha. Trong khi đó với các giống lúa nương khác đang canh tác tại địa phương (Khẩu Ký, Khẩu Mắc Có) cho năng suất 1,5 - 2,0 tấn/ha nhưng giá bán lại thấp hơn chỉ 7 - 8 triệu đồng/tấn thóc, sau khi trừ chi phí vật tư, công lao động cho thu nhập 10 - 15 triệu đồng/ha, thấp hơn so với canh tác lúa nếp Khẩu Hốc (5 - 10 triệu đồng/ha).

- Tác nhân thương mại: Là những thương lái tiểu thương thu mua sản phẩm của người dân sau đó về chế biến hoặc bán trực tiếp ra thị trường. Đây là tác nhân trung gian trong việc tiêu thụ sản phẩm, hiện trên 40% lượng thóc nếp Khẩu Hốc được tiêu thụ qua kênh này, bao gồm:

+ Thương lái thu mua nhỏ lẻ: Là những người dân trong xã hoặc ở các xã lân cận. Hàng năm, đến thời vụ thu hoạch, họ đến tận nhà các gia đình sản xuất để thu mua sau đó bán buôn lại cho công ty hoặc để bán dần ra thị trường tiêu thụ tại huyện Tân Uyên với giá 15.000 - 16.500 đồng/kg tùy theo độ sạch và độ ẩm của lúa. Sau khi phơi và làm sạch, thóc được bán cho công ty với giá bán 20.000 - 22.000 đồng/kg. Như vậy lợi nhuận của thương lái thu được từ 2.000 - 7000 đồng/kg thóc.

+ Người tiêu dùng: Chủ yếu là người trong địa bàn huyện Tân Uyên (chiếm 80%) còn 20% được tiêu thụ bởi khách từ các tỉnh và địa phương khác, mua với mục đích làm quà, số lượng mua 2 - 10 kg gạo/lần, với giá mua 30.000 - 35.000 đồng/kg gạo. Quá trình điều tra tại các điểm bán hàng, có một số vấn đề về chất lượng gạo nếp Khẩu Hốc: Cửa hàng khác nhau chất lượng khác nhau (do các thời điểm thu mua và phương thức chế biến hoặc vì lợi nhuận và trong quá trình chế biến sản phẩm lúa nếp Khẩu Hốc trồng trên nương đã bị trộn cùng với trồng trên ruộng nước vào làm giảm chất lượng. Do đó, sản phẩm gạo nếp Khẩu Hốc cần có nhãn mác và truy xuất nguồn gốc.

3.2.3. Thị trường tiêu thụ lúa, gạo nếp Khẩu Hốc

Kết quả điều tra đánh giá thị trường năm 2018, khi phỏng vấn các thương lái và cửa hàng kinh doanh lương thực tại các chợ và trung tâm huyện Tân Uyên cho thấy, gần 70% số cửa hàng được hỏi đều không biết đến sản phẩm này, 30% cho biết có biết đến sản phẩm, nhưng chưa kinh doanh. Điều đó chứng tỏ sản phẩm lúa, gạo nếp Khẩu Hốc mới chỉ được kinh doanh tại xã Nậm Sỏ.

Mặc dù gạo nếp Khẩu Hốc có chất lượng cao, sản phẩm có giá trị nhưng khả năng thương mại sản phẩm còn rất hạn chế. Giá thành và sản lượng thu mua không ổn định.

3.3. Những thuận lợi và khó khăn, thách thức trong sản xuất và tiêu thụ lúa nếp Khẩu Hốc

Kết quả nghiên cứu thực trạng phát triển sản xuất lúa nếp Khẩu Hốc tại xã Nậm Sỏ huyện Tân Uyên và dựa trên việc phân tích SWOT, được trình bày ở bảng 3.

Bảng 3. Phân tích SWOT đối với sản xuất lúa Khẩu Hốc tại xã Nậm Sỏ

Điểm mạnh (Strengths)	Điểm yếu (Weaknesses)
<ul style="list-style-type: none"> - Được sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp chính quyền địa phương. - Điều kiện tự nhiên của vùng thích hợp cho sản xuất lúa nương, đặc biệt là lúa Khẩu Hốc. - Người dân chịu khó, có truyền thống canh tác lúa nếp Khẩu Hốc lâu đời. - Đây là giống lúa bản địa có nhiều đặc điểm nông học quý hiếm có chất lượng cao, được người tiêu dùng ưa chuộng; giá bán cao. Có khả năng thích ứng với điều kiện tự nhiên và canh tác địa phương. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giống lúa đang có nguy cơ bị thoái hóa, lẫn giống do cách thức để giống và tập quán canh tác của người dân địa phương. - Hầu như không sử dụng phân bón cho lúa, tập quán canh tác còn lạc hậu và theo phương thức quảng canh. - Người sản xuất chưa nắm được thông tin về khoa học kỹ thuật, giá cả thị trường. - Chưa liên kết chặt chẽ trong thành phần chuỗi sản xuất, sản phẩm chưa có thương hiệu. - Hoạt động khuyến nông còn nhiều hạn chế.
Cơ hội (Opportunities)	Thách thức (Threats)
<ul style="list-style-type: none"> - Phát triển theo hướng hàng hoá chất lượng đang được Nhà nước khuyến khích phát triển. - Nhu cầu tiêu dùng lúa trong tỉnh và các tỉnh khác còn lớn và khả năng sẽ tiếp tục tăng. - Có nhiều cơ chế chính sách của xã, huyện nhằm phát triển các giống lúa địa phương trong đó có giống lúa Khẩu Hốc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Dinh dưỡng đất ngày càng hạn chế, nếu không có những biện pháp cải tạo đất. Nguồn phân hữu cơ bón cho lúa rất hạn chế. - Chưa xây dựng được quy trình canh tác, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch cho lúa nương bản địa. - Thị trường các yếu tố đầu vào biến động phức tạp, không có lợi cho người sản xuất. - Yêu cầu chất lượng và vệ sinh thực phẩm ngày càng cao. - Chưa xác định được vùng để mở rộng sản xuất hàng hóa, người dân thiếu thông tin về thị trường tiêu thụ và giá cả.

Qua kết quả phân tích trên cho thấy huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển sản xuất giống lúa nếp Khẩu Hốc theo hướng hàng hóa khi cải tiến được kỹ thuật canh tác và nghiên cứu phát triển chuỗi giá trị sản xuất - tiêu dùng.

Từ kết quả đánh giá tình hình sản xuất và thị trường tiêu thụ giống lúa nếp Khẩu Hốc tại địa phương cho thấy một số những hạn chế cần khắc phục như sau:

- Về sản xuất:
 - + Giống lúa đang bị thoái hóa lẫn tạp dần do phương thức chọn giống, bảo quản giống của người dân.
 - + Kỹ thuật canh tác lạc hậu, chủ yếu là quảng canh.
 - + Bảo quản chế biến: Sau khi thu hoạch, phơi

khô, người dân thường có thói quen cất giữ lúa trong những bao tải và để dưới nền nhà, do đó ảnh hưởng rất lớn đến độ ẩm và chất lượng sản phẩm. Chưa xây dựng được quy trình canh tác lúa nương và bảo quản để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

- Về tiêu thụ:

Mặc dù gạo nếp Khẩu Hốc có chất lượng cao, sản phẩm có giá trị nhưng do địa bàn canh tác lúa nếp Khẩu Hốc còn gặp nhiều khó khăn nên khả năng thương mại sản phẩm còn rất hạn chế. Ngoài việc để lại tự sử dụng trong gia đình thì lượng thóc gạo bán ra chủ yếu là bán cho thương lái, chưa có doanh nghiệp đứng ra tiêu thụ. Người sản xuất chưa được tiếp cận với thông tin thị trường. Giá trị kinh tế của sản phẩm mang lại cho người nông dân chưa cao.

Vì vậy, để khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên đặc sản, quý hiếm này rất cần thiết phải tiến hành đồng bộ các giải pháp về phục tráng, cải tiến qui trình canh tác và nghiên cứu xây dựng thị trường tiêu thụ bền vững giống lúa đặc sản này.

IV. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

4.1. Kết luận

- Giống lúa nếp Khẩu Hốc là giống lúa đặc sản của địa phương xã Nậm Sỏ, huyện Tân Uyên tỉnh Lai Châu, là nguồn gen quý hiếm cần được khai thác và bảo tồn nhưng đang bị thoái hóa. Kỹ thuật canh tác của người dân còn nhiều hạn chế: tập tục canh tác lạc hậu, canh tác theo phương thức quảng canh, hầu như không sử dụng phân bón và chưa xây dựng được quy trình canh tác và bảo quản sau thu hoạch.

- Hiện trạng tiêu thụ giống lúa nếp Khẩu Hốc được người dân tự sử dụng 60%; 40% được bán ra thị trường gồm qua bán trực tiếp (10%) và bán cho thương lái (30%); Bắt đầu hình thành các mối liên kết với thị trường, nhưng còn lỏng lẻo và thiếu bền vững. Thiếu sự tham gia của doanh nghiệp đầu tàu trong tiêu thụ nông sản tại địa phương.

4.2. Đề nghị

- Về sản xuất: Cần phục tráng, xây dựng được quy trình canh tác lúa nếp Khẩu Hốc trên đất nương phù hợp với điều kiện không có tưới và bảo quản để nâng cao năng suất, sản lượng và chất lượng sản phẩm, góp phần mở rộng diện tích, nâng cao giá trị kinh tế cho người dân canh tác lúa nếp Khẩu Hốc.

- Về tiêu thụ: Nghiên cứu xây dựng thị trường tiêu thụ bền vững giống lúa nếp Khẩu Hốc, xây dựng thương hiệu giống lúa đặc sản này gắn liền với tiềm năng du lịch sẵn có của địa phương.

- Phục tráng giống lúa nếp Khẩu Hốc để nâng cao chất lượng và đặc tính ban đầu của giống, từ đó mở rộng diện tích, xây dựng nhãn hiệu hàng hóa, mở rộng thị trường nhằm nâng cao giá trị sản phẩm gạo nếp Khẩu Hốc.

Tuy đã có các chính sách khuyến khích hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, tuy nhiên chính quyền xã Nậm Sỏ nói riêng, huyện Tân Uyên tỉnh Lai Châu nói chung cần có thêm các chính sách riêng để thúc đẩy phát triển các giống lúa đặc sản của địa phương, mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn cho người dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu, 2016. Nghị quyết Phát triển du lịch Lai Châu giai đoạn 2016 - 2020.

Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Tân Uyên, 2017. Các giống lúa nương canh tác trên địa bàn huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu.

UBND xã Nậm Sỏ, 2015. Báo cáo kết quả phát triển kinh tế - xã hội năm 2015, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2016.

UBND xã Nậm Sỏ, 2016. Báo cáo kết quả phát triển kinh tế - xã hội năm 2016, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2017.

UBND xã Nậm Sỏ, 2017. Báo cáo kết quả phát triển kinh tế - xã hội năm 2017, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2018.

Study on rice production status and consumption market of Khau Hoc sticky rice variety of ethnic minority people in Tan Uyen district, Lai Chau province

Nguyen Van Bang, Nguyen Xuan Dung,
Nguyen Doan Hung, Nguyen Van Trung, Tran Hau Hung

Abstract

The study on rice production status and consumption market of Khau Hoc sticky rice variety of ethnic minority people in Tan Uyen district, Lai Chau province showed that Khau Hoc is an indigenous specialty rice variety of H'Mong ethnic group and has been being grown for long time in Nam So commune where the altitude is over 1,000 m. Khau hoc rice variety is cultivated in rainfed area and has many precious characteristics that need to be preserved (grain shape is bold and long with white kernel, no chalkiness, soft and sticky steamed rice). This variety has high quality and is very popular and valuable in the market (35 - 40 thousand VND/kg hulled grains). The variety has high height, large and hard leaves; resistant to pests and unfavorable weather conditions. However, farming practices are still very backward, extensive methods; the quality of seed and area are decreasing, commercialization capacity limitation; 60% of rice quantity is used in family and only 40% is used for sale.

Keywords: Khau Hoc sticky rice variety, Nam So, Tan Uyen, H'Mông people

Ngày nhận bài: 17/9/2019
Ngày phản biện: 8/10/2019

Người phản biện: TS. Đào Thế Anh
Ngày duyệt đăng: 14/10/2019

NGHIÊN CỨU ẢNH HƯỞNG CỦA PHÂN BÓN NPK TIẾN NÔNG ĐẾN MỘT SỐ GIỐNG LẠC ĐEN TẠI HUYỆN HẬU LỘC, TỈNH THANH HÓA

Nguyễn Huy Hoàng¹, Lê Trí Lực², Phạm Văn Dân¹,
Trần Công Hạnh³, Phạm Thị Xuân⁴, Tống Văn Giang³

TÓM TẮT

Thí nghiệm nghiên cứu ảnh hưởng của phân bón NPK 4 : 9 : 6 Tiến Nông đến sinh trưởng, phát triển và năng suất của một số giống lạc đen tại huyện Hậu Lộc, Thanh Hóa được tiến hành trong vụ Xuân năm 2018 với 5 công thức phân bón NPK: P0 (đối chứng, không bón NPK - nền): 1000 kg phân hữu cơ vi sinh (HCVS) Sông Gianh + 500 kg vôi bột/1 ha; P1: nền + 800 kg NPK; P2: nền + 1.000 kg NPK; P3: nền + 1.200 kg NPK; P4: nền + 1.400 kg NPK và 3 giống lạc đen: CNC1, LĐ13 và LĐ Đài loan. Thí nghiệm 2 nhân tố thiết kế theo kiểu ô lớn ô nhỏ. Ô lớn là các giống lạc đen, ô nhỏ là các mức phân bón. Kết quả nghiên cứu cho thấy với mức phân bón (P3): 1000 kg phân HCVS Sông Gianh + 500 kg vôi bột + 1.200 kg NPK 4 : 9 : 6 Tiến Nông/ha giống lạc đen CNC1 cho năng suất cao nhất, đạt 35,83 tạ/ha.

Từ khóa: Giống lạc đen, phân bón NPK Tiến Nông, sinh trưởng, phát triển

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thanh Hoá là một trong 5 tỉnh có diện tích trồng lạc lớn của cả nước; diện tích gieo trồng cây lạc từ 16.000 ha - 20.000 ha, đứng thứ hai sau cây mía và chiếm 30 - 35% diện tích gieo trồng cây công nghiệp hàng năm. Tuy nhiên, so với năng suất lạc bình quân của cả nước thì năng suất lạc của Thanh Hóa còn ở mức thấp, chất lượng xuất khẩu chưa cao (Cục Thống kê Thanh Hoá, 2015). Một trong những nguyên nhân chủ yếu là người trồng lạc chưa tuyển chọn được giống lạc phù hợp; chưa quan tâm đến kỹ thuật bón phân hợp lý cho lạc.

Cùng với việc thử nghiệm trồng các giống lạc mới phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng của địa phương, các biện pháp thâm canh như bón phân cân đối, thích hợp sẽ tạo điều kiện phát huy tiềm năng, năng suất mang lại hiệu quả cao cả về kinh tế và môi trường (Ngô Thế Dân và *ctv.*, 2000).

Lạc đen có nguồn gốc từ Bắc Carolina được trồng ở châu phi từ những năm 1800 là giống lạc giàu chất dinh dưỡng hơn lạc thường. Lạc đen rất giàu anthocyanins, là chất ức chế gốc tự do, chống oxy hóa, chống bức xạ, chống khối u, chống lão hóa và hoạt động tim mạch, chống viêm (không do vi khuẩn), tăng cường độ đàn hồi của da, tăng cường sức khỏe da và tác dụng sinh học khác. Ở nước ta lạc đen đã được nghiên cứu chọn tạo và trồng thử ở một số tỉnh như Bắc Giang, Hà Nội, Thái Bình, ... (Đông Thị Kim Cúc và *ctv.*, 2018). Với những giá trị mà cây lạc đen mang lại, việc nghiên cứu, trồng khảo nghiệm để mở rộng sản xuất là cần thiết. Vì vậy, nghiên cứu ảnh hưởng của phân bón NPK

Tiến Nông 4 : 9 : 6 đến sinh trưởng, phát triển và năng suất của một số giống lạc đen vụ Xuân 2018 tại huyện Hậu Lộc, Thanh Hóa được thực hiện.

II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Vật liệu nghiên cứu

- Thí nghiệm gồm 3 giống lạc đen là: LĐ13, CNC1, Lạc đen Đài Loan (LĐĐL).

- Phân bón: NPK 4 : 9 : 6 của Tiến Nông (Đạm (N) 4%; Lân (P_2O_5) 9%; Kali (K_2O) 6%; Canxi (CaO) 5%; Magiê (MgO) 2%; Lưu huỳnh (S) 5%; Silic (SiO_2) 0,5% và các nguyên tố vi lượng: Kẽm, Bo, Đồng, Mangan, Sắt, Molipđen).

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Thí nghiệm 2 nhân tố bố trí theo kiểu ô lớn, ô nhỏ (Split Plot Design). Giống nhân tố ô lớn, 3 giống: CNC1, LĐ13 và Lạc đen Đài Loan. Phân bón NPK 4 : 9 : 6 (P) là nhân tố ô nhỏ, gồm 5 mức: P0: Không bón, P1: 800 kg/ha, P2: 1000 kg/ha, P3: 1200 kg/ha và P4: 1400 kg/ha; trên nền phân bón: 1000 kg phân HCVS Sông Gianh + 500 kg vôi bột, với 3 lần nhắc lại. Diện tích thí nghiệm 10 m²/ô nhỏ (Nguyễn Huy Hoàng và *ctv.*, 2014).

- Các chỉ tiêu và phương pháp theo dõi: Theo Quy chuẩn Việt Nam về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống lạc QCVN 01-57:2011/ BNNPTNT (Bộ Nông nghiệp và PTNT, 2011).

- Phương pháp xử lý số liệu:

+ Số liệu thí nghiệm xử lý sơ bộ và phân tích thống kê bằng phần mềm STATISTIX 8.2 (Dẫn theo Nguyễn Huy Hoàng và *ctv.*, 2014).

¹ Trung tâm Chuyển giao công nghệ và Khuyến nông; ² Công ty Cổ phần Công nông nghiệp Tiến nông

³ Trường Đại học Hồng Đức, Thanh Hóa; ⁴ Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam